

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
VIETNAM STEEL CORPORATION



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022
(Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022)

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở chính: 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 84. 24. 3856 1767

Fax: 84. 24. 3856 1815

Website: www.vnsteel.vn

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**
- Tên tiếng Anh: **VIET NAM STEEL CORPORATION**
- Tên viết tắt : **VNSTEEL.CORP**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100047
- Vốn điều lệ: 6.780.000.000.000 đồng (*Sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.780.000.000.000 đồng (*Sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng*)
- Địa chỉ: 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: 84. 4. 3856 1767
- Số fax: 84. 4. 3856 1815
- Website: www.vnsteel.vn
- Mã cổ phiếu: TVN

Quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thành lập

Tổng công ty được hình thành qua các thời kỳ, gắn liền với sự phát triển của đất nước nói chung và ngành công nghiệp luyện kim nói riêng. Đó là sự kết hợp, sáp nhập, hợp nhất nhiều doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong ngành sản xuất thép và kinh doanh kim khí của Nhà nước trong những thập kỷ qua.

Thực hiện Quyết định số 91/TTg ngày 07 tháng 3 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập Tập đoàn kinh doanh ở một số Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật (gọi tắt là Tổng công ty 91), ngày 29 tháng 4 năm 1995, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất Tổng công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp nặng và Tổng công ty Kim khí thuộc Bộ Vật tư.

Nhiệm vụ chính của Tổng công ty là xây dựng và phát triển mô hình kinh doanh đa ngành với hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép. Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty bao gồm nhưng không hạn chế

khai thác quặng sắt, than mỡ, nguyên liệu trợ dung; sản xuất gang, thép và các kim loại, sản phẩm thép; xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị và trang thiết bị luyện kim, chuyên giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật; thiết kế, chế tạo, thi công xây lắp trang thiết bị công trình luyện kim và xây dựng dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng và vật tư tổng hợp; đào tạo nghề, nghiên cứu khoa học công nghệ; đầu tư, liên doanh, liên kết kinh tế và hợp tác lao động với nước ngoài.

1.2. Cổ phần hóa

Ngày 31/12/2009, Văn Phòng Chính phủ đã ban hành công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng: “Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn Điều lệ”.

Căn cứ nội dung nêu trên, ngày 15/01/2010 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Sau khi có Quyết định cổ phần hóa, Ban Chỉ đạo và Lãnh đạo Tổng công ty Thép Việt Nam đã khẩn trương thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa theo lộ trình đã đề ra.

Ngày 18/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 552/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Thực hiện Quyết định nêu trên, Tổng công ty Thép Việt Nam đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng và tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chuyển thành Tổng công ty cổ phần. Kể từ ngày 29/9/2011, Tổng công ty Thép Việt Nam đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA VNSTEEL**Huân chương
Độc lập Hàng Nhất****Huân chương
Độc lập Hàng Nhì****Huân chương
Độc lập Hàng Ba****Anh hùng
LLVT Nhân dân****Giải
Quả Cầu Vàng****Hàng Việt Nam
chất lượng cao****Cúp
Ngôi sao chất lượng****Cúp
Sen vàng****Cúp vàng thương hiệu ngành
xây dựng Việt Nam*****1.3. Các dấu mốc lịch sử***

29/4/1995: Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất và sáp nhập nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong ngành sản xuất thép, trong đó có Tổng công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp và Tổng công ty Kim khí thuộc Bộ Thương Mại.

23/11/2006: Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

21/6/2007: Thủ tướng phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

01/7/2007: Chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

31/12/2009: Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng: “Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn điều lệ”.

15/01/2010: Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

29/9/2011: Tổng công ty Thép Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100047 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 02 năm 1996 (đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2019), Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP đăng ký các ngành nghề kinh doanh sau đây:

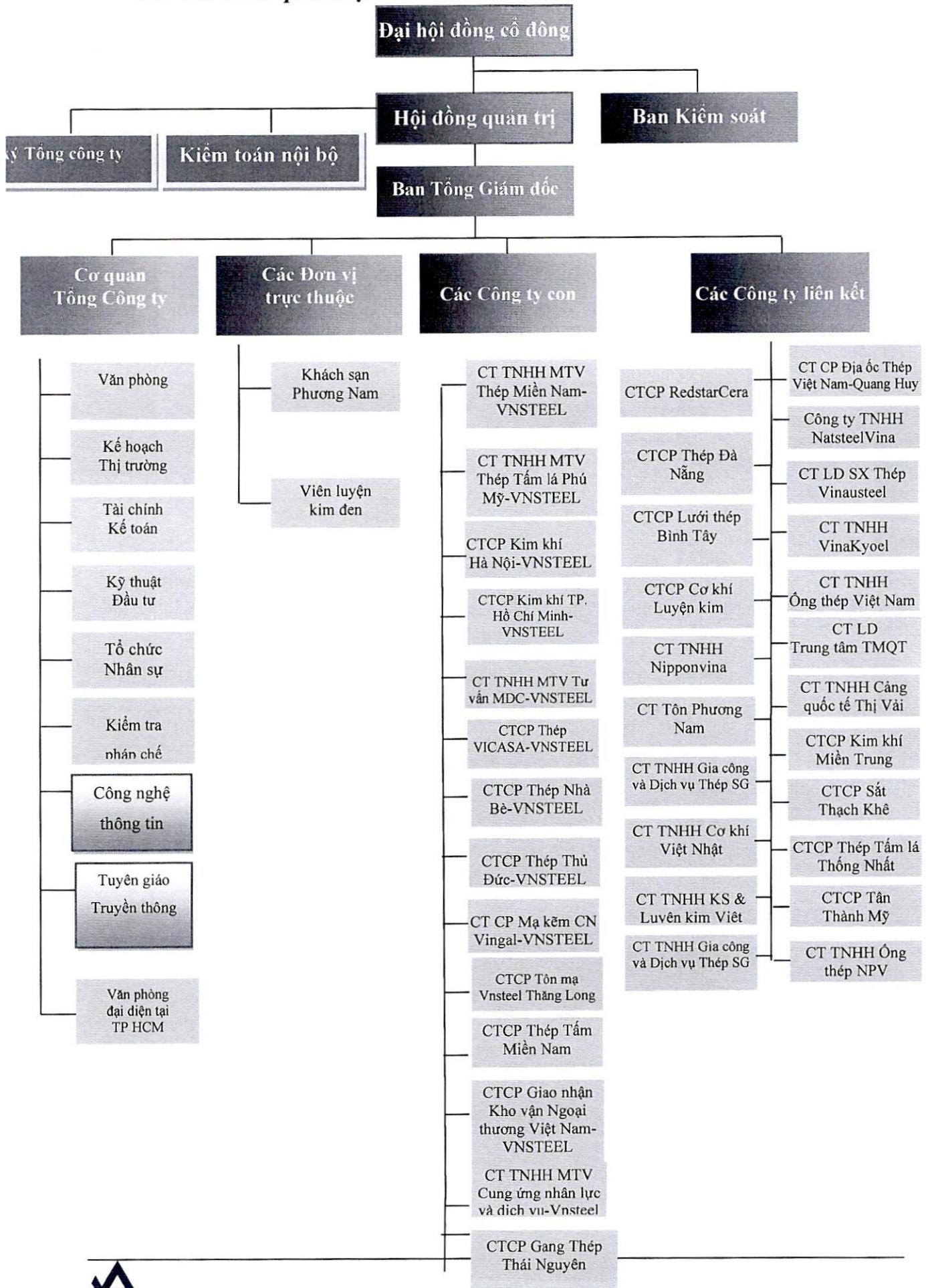
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Quảng cáo;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Điều hành tour du lịch;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Tái chế phế liệu;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác than mỡ và các nguyên liệu phụ trợ dùng cho công nghiệp sản xuất thép;
- Bán buôn phế liệu kim loại, cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Đại lý du lịch;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Đại lý;
- Hoạt động thể thao khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất máy luyện kim;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Dịch vụ logistic;
- Thiết kế, tư vấn thiết kế các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh các nguyên nhiên liệu, nhiên liệu cán thép, phế liệu kim loại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

2.2. Địa bàn kinh doanh : Hà Nội và các tỉnh, thành phố trên toàn quốc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị.



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành (gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng) và Thư ký Tổng công ty, các Ban nghiệp vụ và Văn phòng.

- Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2021-2026 là 05 thành viên. Đến thời điểm 31/12/2022, Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 Thành viên Hội đồng quản trị làm việc kiêm nhiệm (trong đó có 01 thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 01 thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc);

- Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2021-2026, gồm 05 thành viên. gồm: Trưởng ban, 01 thành viên chuyên trách và 03 thành viên kiêm nhiệm;

- Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có 04 thành viên, gồm Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc phụ trách các lĩnh vực theo sự phân công của Tổng Giám đốc;

- Ban tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị có Thư ký Tổng công ty, Ban Kiểm toán nội bộ, Trợ lý Hội đồng quản trị.

- Bộ máy giúp việc chung, gồm 8 phòng/ban nghiệp vụ được tổ chức tại trụ sở chính (gồm Văn phòng và các Ban: Tài chính Kế toán, Tổ chức Nhân sự, Kế hoạch Thị trường, Kỹ thuật Đầu tư, Kiểm tra Pháp chế, Tuyên giáo Truyền thông, Công nghệ Thông tin và Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Các công ty con, công ty liên kết:

1. CÔNG TY CON:

1	Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam-VNSTEEL	Khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: Sản xuất thép và các loại sản phẩm thép - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm thép - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu, phế liệu kim loại phục vụ cho sản xuất thép - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí oxy phục vụ luyện thép và nạp chai thành phẩm; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ kho bãi, ký gửi hàng hóa, khai thác cảng.	1.000.000.000.000	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Thép Tâm Phú Mỹ-VNSTEEL	Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -	- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: Sản xuất thép và các loại sản phẩm thép - Bán buôn kim loại và quặng	800.000.000.000	100%

		Vũng Tàu	kim loại. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm thép - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các nguyên liệu, vật tư phụ tùng thiết bị phục vụ sản xuất thép. - Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý môi giới mua bán, ký gửi vật tư, hàng hóa.		
3	Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác quặng sắt; Đại lý, môi giới, đấu giá; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; ...	1.840.000.000.000	65%
4	Công ty cổ phần Kim Khí Hà Nội-VNSTEEL	20 đường Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh kim khí, nguyên vật liệu phục vụ ngành thép; kinh doanh máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải, bốc xếp...	90.000.000.000	89,37%
5	Công ty CP Kim Khí TP Hồ Chí Minh-VNSTEEL	193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Mua bán kim khí (kim loại đen, kim loại màu); máy móc thiết bị; nông, lâm, hải sản; khoáng sản; sản phẩm kim loại; gỗ và sản phẩm về gỗ; sản xuất gia công sản phẩm kim khí, kinh doanh khách sạn; lữ hành; cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà ở	210.000.000.000	55,67%
6	Công ty CP Thép tấm Miền Nam	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu		66.587.824.448	74,33%
7	Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Lô 14 Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;...	429.750.000.000	89,01%
8	Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam	Số 406 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Giao nhận vận tải hàng quá cảnh, hàng ngoại giao, hàng hội chợ triển lãm,...	255.000.000.000	95,37%
9	Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL	Lô 2, Đường Số 3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất thép; Mua bán các sản phẩm thép và nguyên liệu thép; Cán thép, các loại vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép; Kinh doanh khai thác cảng nội địa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa;...	115.000.000.000	69,07%

10	Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên hòa 1, P. An Bình, thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng nai	Sản xuất sắt, thép, gang; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; Tái chế phế liệu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;...	151.873.220.000	65,00%
11	Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL	Km 9, Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh, khai thác cảng;...	122.253.930.000	65,00%
12	Công ty CP Mạ kẽm công nghiệp Vingal-VNSTEEL	Số 4, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai	Sản xuất các sản phẩm thép và thép mạ	93.251.550.000	51,00%
13	Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-VNSTEEL	Số 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình giao thông cầu đường bộ; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu đường bộ...	5.000.000.000	100%
14	Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và dịch vụ-Vnsteel	Số 63, ngõ 42, Phố Lạc Trung, P. Thanh Lương, Q.Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Xuất khẩu lao động) Kinh doanh dịch vụ du lịch Đào tạo Du học	6.800.000.000	100%

2. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

1	Công ty CP Kim Khí Miền Trung	16 Thái Phiên, Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	Cung cấp thép xây dựng các loại cho các công trình. Kinh doanh, xuất nhập khẩu kim khí, vật tư thứ liệu, phế liệu kim loại, vật tư tổng hợp, vật liệu xây dựng; thép xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đầu tư kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê và chung cư cao tầng. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi. Đại lý phân phối sản phẩm cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.	98.465.620.000	38,30%
2	Công ty cổ phần RedstarCera	Phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Khai thác chế biến đất chịu lửa, đất sét trắng, quặng đô lô mit; mua bán vật liệu chịu lửa, vật liệu xây dựng các loại;...	110.000.000.000	20,05%
3	Công ty TNHH KS và LK Việt Trung	Khu công nghiệp Tăng Loòng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.	Khai thác mỏ và sản xuất sắt thép	101.256.146 USD	46,86%

4	Công ty CP Thép Đà Nẵng	Đường Tạ Quang Bửu, khu CN Liên Chiểu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất sắt thép gang; Xuất nhập khẩu các sản phẩm thép, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu và trang thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh thép; Đại lý, kinh doanh mua bán vật tư, nguyên vật liệu;...	216.000.000.000	31,16%
5	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Cán, kéo các SP bằng thép và kinh doanh các SP đó.	78.000.000 USD	40,00%
6	Công ty TNHH Nasteelvina	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên	Cán, kéo các SP bằng thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn, dập, ép kim loại; Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối... các phần của khung kim loại; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ kim khí.	17.170.928 USD	36,70%
7	Công ty LD sản xuất thép Vinausteel	Km 9, phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng	Cán, kéo các SP bằng thép và kinh doanh các SP đó.	12.100.000 USD	30,00%
8	Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	Km 9, phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng	Sản xuất các loại ống thép; gia công những cấu kiện từ ống thép (đen và mạ kẽm); gia công mạ những cấu kiện, thiết bị bằng thép.	3.396.550 USD	50,00%
9	Công ty TNHH Trung tâm TMQT	34 Lê Duẩn, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh	Cho thuê văn phòng, căn hộ và cửa hàng	23.353.977 USD	50,00%
10	Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải	Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Xây dựng và kinh doanh một cảng biển tổng hợp phục vụ cho việc tiếp nhận, bốc dỡ tàu chở sắt thép và phục vụ cho tàu chở hàng bách hóa tổng hợp và hàng container	39.852.000 USD	12,75%
11	Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán; xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.	200.000.000.000	31,25%
12	Công ty TNHH Nippovina	Lô D1 29 - 30 Đường VL2, KCN Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An	Sản xuất và lắp đặt các sản phẩm tôn và khung sườn nhà xưởng các loại.	27.394.801.163	50,00%
13	Công ty Tôn Phương Nam	Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Nhơn Trạch, Đồng Nai	Sản xuất tôn mạ màu, tôn mạ kẽm và tôn mạ nhôm kẽm.	29.670.222,12 USD	45,00%
14	Công ty TNHH Gia công và dịch vụ thép Sài Gòn	Khu công nghiệp Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Gia công và cung cấp dịch vụ cắt tôn cuộn, thép tấm; sản xuất thép hình, thép ống, thép góc.	3.772.428 USD	40,17%
15	Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật	Lô CN2, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	SX các SP gang đúc và thép đúc; Thực hiện các dịch vụ KT và công nghệ trong SX cơ khí.	3.350.080 USD	14,79%

16	Công ty CP Lưới thép Bình Tây	117 Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	SX, mua bán sắt thép, kim loại màu, vật liệu xây dựng (không SX tại trụ sở). Chế tạo, lắp đặt thiết bị sản xuất ngành công - nông - lâm - ngư nghiệp...	19.654.400.000	40,06%
17	Công ty CP Tân Thành Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	SX và mua bán các sản phẩm vôi, hợp kim sắt, đất đèn, hồ điện cực, que hàn,...	83.402.990.000	25,48%
18	Công ty CP Cơ khí Luyện Kim	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 2, phường An Bình, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Chế tạo các sản phẩm cơ khí; Chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị; Đúc sắt thép; Đúc kim loại màu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;...	26.000.000.000	45,00%
19	Công ty CP Sắt Thạch Khê		Thăm dò, đầu tư, khai thác, làm giàu quặng sắt và các loại khoáng sản khác; Mua, bán quặng sắt và các sản phẩm từ quặng sắt và khoáng sản khác	2.400.000.000.000	15,12%
20	Công Ty TNHH Ống Thép Hàn Xoắn Nippon Steel Việt Nam	Đường D3 khu công nghiệp Phú Mỹ II, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất ống thép hàn xoắn	35.000.000 USD	3,85%
21	Công ty CP địa ốc Thép VN-Quang Huy	232/5 Cộng Hòa, phường 12, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại, công trình dân dụng, công nghiệp; San lấp mặt bằng,...	22.288.524.504	0%

4. Định hướng phát triển

4.1. Mục tiêu chủ yếu:

a) Đẩy mạnh tái cơ cấu:

- Bám sát những nguyên tắc và lộ trình của Đề án tái cơ cấu Tổng công ty. Đẩy mạnh hoạt động tái cơ cấu để tập trung vào ngành nghề chính, giảm đầu mối quản lý, tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tiếp tục rà soát để cập nhật và có những điều chỉnh phù hợp với tình hình cụ thể.

- Sắp xếp lại, tăng cường khả năng và hiệu quả tích hợp, mối liên kết giữa các đơn vị kinh doanh trong hệ thống để hình thành chuỗi giá trị. Xây dựng cơ chế quản lý điều hành tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực.

b) Về định hướng phát triển sản phẩm

- Đối với các sản phẩm truyền thống

+ Sản phẩm thép xây dựng: Khôi phục, duy trì và từng bước mở rộng công suất, tiếp tục duy trì giữ vững vị trí hiện tại ở sản phẩm thép xây dựng; nắm bắt cơ hội tăng trưởng từ ngành xây dựng cao ốc, hạ tầng cơ sở, công nghiệp phụ trợ và nghiên cứu,

cải tiến đa dạng hóa sản phẩm thép xây dựng để xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng khác ngoài thị trường truyền thống Campuchia;

+ Sản phẩm thép dẹt: duy trì và tối ưu hóa các sản phẩm hạ nguồn (cuộn cán nguội và thép tôn mạ).

- Đối với các sản phẩm mới: Từng bước nghiên cứu, đầu tư mới và đầu tư chiều sâu để tiến tới sản xuất các chủng loại thép hợp kim, thép chế tạo, thép chất lượng cao, thép đặc chủng.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục chủ động tái cơ cấu danh mục đầu tư và thiết lập bộ máy quản lý hiệu quả, đáp ứng các chuẩn mực hiện đại;

- củng cố vị trí, tiếp tục gia tăng thị phần trong nước đối với sản xuất thép xây dựng ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu trở thành nhà sản xuất có uy tín lớn, thương hiệu, chất lượng sản phẩm cao trên thị trường với chi phí cạnh tranh;

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới để tạo ra đột phá về hiệu quả vận hành và lợi thế cạnh tranh. Đầu tư nguồn lực thích đáng để áp dụng công nghệ sử dụng tiết kiệm năng lượng và hiệu quả, giảm thiểu phát thải và thân thiện môi trường.

5. Các rủi ro: Hiện tại các dự án đầu tư được phê duyệt trong kế hoạch năm 2023 đều hướng tới sử dụng các thiết bị sản xuất thép xây dựng phải tiên tiến, hiện đại, đảm bảo các quy định về quản lý môi trường của nhà nước và tuân thủ quy định về PCCC.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- Chỉ tiêu Báo cáo tài chính Công ty mẹ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 3.767,732 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế: 357,203 tỷ đồng.

- Chỉ tiêu Báo cáo tài chính hợp nhất:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 38.703 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế: lỗ 723,093 tỷ đồng.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:

- Sản xuất thép thành phẩm: 3,34 triệu tấn, đạt 87% KH, giảm 13% so cùng kỳ
- Tiêu thụ thép thành phẩm: 3,37 triệu tấn, đạt 88% KH, giảm 9% so cùng kỳ

Năm 2022, thị trường thép phải đối mặt với rất nhiều khó khăn khi giá thép liên tục giảm mạnh từ đầu quý II, nhu cầu thị trường yếu, tiêu thụ giảm sút. Sản lượng thấp không đạt kế hoạch năm và giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Thị trường khó khăn đã tác động tiêu cực đến hoạt động SXKD cũng như hiệu quả của các doanh nghiệp thép trong nước. Tiêu thụ chậm, tồn kho cao chủ yếu tồn nguyên liệu, thép thành phẩm giá cao, các doanh nghiệp đều phải tăng trích lập dự phòng hàng tồn kho giá cao, cùng với đó là lãi vay ngân hàng, lỗi do chênh lệch tỷ giá từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu tăng cao khiến hiệu quả kinh doanh các đơn vị đều giảm sút, nhiều đơn vị kinh doanh thua lỗ.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Ban điều hành:

- Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

- Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc được Tổng giám đốc phân công và phối hợp thực hiện các công việc có liên quan; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Thành viên Ban điều hành:

- Ông Lê Song Lai - Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Công Thảo - Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Phú Dương - Phó Tổng giám đốc
- Ông Lê Văn Thanh - Phó Tổng giám đốc

2.1.1. Ông Lê Song Lai - Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 15/8/1968

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật, cử nhân tài chính-ngân hàng, cử nhân ngoại ngữ

Kinh nghiệm công tác:

- Từ T8/1986 – T9/1990: Diễn viên Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị, Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Từ T9/1990 – T10/1996: Học viên Đoàn 871, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng, được cử đi học tại Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

- Từ T8/1994 – T10/1996: Luật sư tập sự, Chi nhánh Công ty Luật Freshfields (Anh) tại TP Hà Nội.

- Từ T10/1996 – T8/2006: Cán bộ Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính. Được bổ nhiệm Vụ phó Vụ Bảo hiểm năm 2003.

- Từ T8/2006 – T5/2022: Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước. Từ tháng 6/2020, là Thành viên HĐQT và giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Thép Việt Nam (kiêm nhiệm) từ tháng 8/2020 đến 26/5/2022.

- Từ T11/2006 – T8/2015: Chủ tịch BCH Công đoàn, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

- Từ T4/2015 – T6/2020: Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Đảng ủy Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

- Từ T10/2015 – T10/2020: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương;

- Từ T10/2020 đến 15/5/2022: Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

- Từ T5/2022 đến nay: Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

Chức danh kiêm nhiệm:

- Từ 8/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành:

- Tỷ lệ cổ phần đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước: 127.000.000 cổ phần (tương ứng 18,73% vốn điều lệ).

2.1.2. Ông Phạm Công Thảo - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 04/12/1977

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh quốc tế.

Kinh nghiệm công tác:

- Từ T3/2000 - T7/2007: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Tổng công ty.

- Từ 7/2007 - T5/2010: Phó trưởng phòng Kế Hoạch hợp tác quốc tế, Tổng công ty.

(từ 5/2010 - 12/2011: đi học Thạc sỹ tại Đại học Queensland - Úc.

- Từ T1/2012 - T3/2012: Phó Trưởng phòng Kế hoạch và Hợp tác quốc tế, Tổng công ty.

- Từ T4/2012 - T9/2013: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Trúc Thôn.

- Từ T9/2013 - T12/2013: Phó Trưởng Ban Vật tư Xuất nhập khẩu, Tổng công ty.

- Từ T1/2014 - T3/2014: Quyền Trưởng ban Kế hoạch và Kiểm soát nội bộ Tổng công ty.

- Từ T4/2014 - T6/2014: Trưởng ban Kế hoạch và Kiểm soát nội bộ Tổng công ty.

- Từ T7/2014 - T8/2016: Trưởng ban Kế hoạch Thị trường Tổng công ty.

- Từ T8/2016 - T4/2018: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty LD Sản xuất Thép Vinausteel.

- Từ T4/2018 - nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.

(Từ 28/6/2021: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty. Từ 19/7/2021: Phó Bí thư Đảng ủy Tổng công ty).

* Chức danh kiêm nhiệm:

- Từ T5/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL.

- Từ T3/2019 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Gang thép Thái Nguyên.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành:

- Tỷ lệ cổ phần đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước: 127.000.000 cổ phần (tương ứng 18,73% vốn điều lệ).

2.1.3. Ông Nguyễn Phú Dương - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 13/9/1977.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm công tác:

- Từ tháng 11/1999 đến 11/2001: Lao động hợp đồng, phụ trách công tác an toàn, Phòng Kỹ thuật - An toàn, Xí nghiệp Khai thác khoáng sản - Công ty Đông Bắc.

- Từ tháng 12/2001 đến 11/2004: CNVQP, phụ trách an toàn, Phòng Kỹ thuật - An toàn, Xí nghiệp Khai thác khoáng sản, Công ty Đông Bắc.

- Từ tháng 12/2004 đến tháng 10/2005: Phó trưởng phòng Kỹ thuật - An toàn, Công ty Đông Bắc; Thiếu úy QNCN.

- Từ tháng 11/2005 đến tháng 3/2007: Trưởng phòng Kỹ thuật - An toàn, Xí nghiệp Khai thác khoáng sản - Công ty Đông Bắc.

- Từ tháng 4/2007 đến tháng 12/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Alumin Nhân Cơ - TKV.

- Từ tháng 01/2011 đến tháng 12/2015: Giám đốc Công ty xây lắp – môi trường Nhân Cơ - Vinaconmin.

- Từ tháng 12/2015 đến 09/2020: Phó giám đốc Công ty Nhôm Đăk Nông -TKV.
- Từ tháng 9/2020 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP; Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung.

2.1.4. Ông Lê Văn Thanh - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 10/10/1968
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:
 - T6/1995 bắt đầu làm việc tại Phòng Tổ chức Lao động Tổng công ty;
 - Từ T1/2003 - T5/2007: Phó Chánh Văn phòng Tổng công ty;
 - Từ T6/2007 - T8/2010: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc thứ nhất Công ty Liên doanh sản xuất Thép Vinausteel.
 - Từ T8/2010 - T8/2012: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel;
 - Từ T8/2012 - T12/2013. Phó Chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng Tổng công ty;
 - Từ T1/2014 - T4/2016: Trưởng ban Tổ chức Nhân sự Tổng công ty;
 - Từ T5/2016 - T4/2021: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long;
 - Từ T4/2021 - nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.
- (Từ 24/11/2021: Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy Tổng công ty. Từ 03/12/2021: Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty).

* Chức danh kiêm nhiệm:

- Từ T3/2021 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung.
- Từ T10/2021 - nay: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thép Vinakyoei.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành:

- Tỷ lệ cổ phần do cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần.

2.2. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị:

Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị trong năm 2022:

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty tổ chức ngày 25/5/2022: miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị là ông Nghiêm Xuân Đa và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2021-2026 là ông Lê Thanh Tuấn.
- Ngày 26/5/2022: Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Lê Song Lai và bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tổng công ty, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với Ông Lê Thanh Tuấn; bầu chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty, nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với ông Nguyễn Đình Phúc.

2.3. Những thay đổi trong ban điều hành:

Thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm 2022:

- Từ 26/5/2022: Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Tổng công ty đối với Ông Nguyễn Đình Phúc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng công ty đối với Ông Lê Song Lai.

2.4. Số lượng lao động cơ quan Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp (31/12/2022): 145 người.

2.5. Chính sách về việc làm, tiền lương, tiền thưởng và chế độ phúc lợi

a) Chính sách về việc làm, tiền lương

Trong những năm qua Tổng công ty luôn nỗ lực phát triển SXKD để đảm bảo việc làm cho người lao động, từ đó có tiền lương, thu nhập, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống. Năm 2022, sản xuất kinh doanh Tổng công ty có hiệu quả, lợi nhuận đạt kế hoạch, tiền lương của người lao động được đảm bảo.

- Về phân phối tiền lương đối với người lao động:

Cơ quan Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc đã xây dựng và ban hành quy định phân phối tiền lương nội bộ đơn vị bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công bằng, minh bạch có sự tham gia của tổ chức công đoàn cùng cấp. Người lao động yên tâm công tác, không có thắc mắc khiếu kiện về phân phối tiền lương.

- Về nâng bậc, nâng ngạch lương đối với người lao động

Thực hiện nâng bậc lương, nâng ngạch lương định kỳ cũng như nâng bậc lương, nâng ngạch lương sớm đối với người lao động đủ thời gian và điều kiện để nâng bậc lương, nâng ngạch lương theo quy định của Tổng công ty.

b) Chính sách khen thưởng:

- Thực hiện chế độ thưởng từ quỹ lương đối với người lao động có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện chế độ khen thưởng thành tích thi đua theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng.

- Thực hiện thưởng sáng kiến tiết kiệm theo Quy chế của Tổng công ty.

c) Chính sách bảo hiểm và phúc lợi:

- Thực hiện các chính sách chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tổng công ty thực hiện nộp đủ BHXH, đúng thời gian; thanh toán các chế độ BHXH kịp thời khi phát sinh thực hiện các chế độ bảo hiểm (giải quyết chế độ nghỉ hưu trí, nghỉ ốm đau, nghỉ thai sản,...)

Ngoài trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định, người lao động được mua bảo hiểm “Tai nạn con người mở rộng quyền lợi điều trị bệnh phát

sinh trong quá trình làm việc” và “Bảo hiểm Nhân thọ AVIVA- An tâm Vững nghiệp”.

- Thực hiện các chế độ chính sách phúc lợi đối với CBNV: Nghỉ mát, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ, hỗ trợ cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, chi quà với các cháu là con CBNV vào các dịp tết thiếu nhi, tết trung thu, đạt thành tích tốt trong học tập & rèn luyện đạo đức...

d) Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ tết:

- Thực hiện bố trí lao động nghỉ phép, nghỉ lễ tết... đúng, đủ ngày, hoặc bố trí nghỉ luân phiên, nghỉ bù đảm bảo theo quy định của Bộ Luật Lao động.

2.6. Chính sách tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực

a) Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Tổng công ty là thu hút nhân sự có năng lực, có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề vào làm việc tại Tổng công ty.

Việc tuyển dụng lao động thực hiện theo Quy chế quản lý và tuyển dụng lao động của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP, để đáp ứng nhu cầu về lao động, đảm bảo cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đạt hiệu quả, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Đào tạo

Tất cả CBCNV Tổng công ty đều có quyền và nghĩa vụ tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ, có tác phong, ý thức làm việc tự giác, chuyên nghiệp có tính sẵn sàng và chủ động cao trong công việc.

Tổng công ty chú trọng xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý tiên tiến; xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong một số lĩnh vực then chốt, ưu tiên đào tạo nguồn nhân sự cấp cao.

Tổng công ty hỗ trợ, tạo điều kiện để người lao động được tham gia các khóa đào tạo phù hợp ở trong nước và nước ngoài, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Tổng công ty, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tư

a) Các khoản đầu tư lớn:

Các khoản đầu tư tài chính: Trong năm 2022 Tổng công ty không thực hiện các khoản đầu tư tài chính.

Các khoản đầu tư dự án: Trong năm 2022, thực hiện giải ngân các dự án đầu tư trong toàn hệ thống Tổng công ty là 89,58 tỷ đồng đạt 53,9% so với Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2022 và đạt 36% so với kế hoạch đã cập nhật bổ sung, điều chỉnh đến thời điểm báo cáo tỷ đồng. Tình hình thực hiện các dự án lớn cụ thể như sau:

- Đối với dự án nhóm A – Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO) do Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên làm chủ đầu tư: tiếp tục triển khai các nội dung công việc theo các chỉ đạo của Chính phủ tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương” và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ. Trong năm 2022, Tổng công ty chỉ đạo bộ phận đại diện vốn của Tổng công ty tại Tisco triển khai thực hiện phương án xử lý Dự án Tisco2 theo chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo như xây dựng phương án kiểm đếm làm cơ sở xử lý Dự án Tisco2, tiếp tục làm việc với nhà thầu MCC để giải quyết những tồn đọng liên quan đến Dự án Tisco2.

- Đối với các dự án nhóm B:

Theo kế hoạch đăng ký năm 2022: Trong năm 2022 có 07 dự án nhóm B đăng ký kế hoạch để triển khai thực hiện, tuy nhiên hầu hết các dự án này đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xin các cấp có thẩm quyền ở địa phương cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án. Có 01 Dự án nhóm B hoàn thành đưa vào hoạt động trong năm thực hiện cải tạo 04 tầng của TTTM Diamond Plaza.

b) Các Công ty con, Công ty liên kết:

*** Về chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện:**

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2022 của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty lỗ 1.203 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm 2021, trong đó:

- Các công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, trong đó có 12/14 Công ty con và 11/19 Công ty liên kết. Cụ thể:

STT	Tên công ty	LN trước thuế 2022	KH 2022	LNTT/KH
1	Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam	86.900	20.585	422%
2	Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	10.449	6.500	161%
3	Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal	23.183	18.500	125%
4	Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ	17	2	855%
5	Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	99.471	50.000	199%
6	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	17.397	9.000	193%
7	Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	50.211	50.000	100%
8	Công ty Cổ phần RedstarCera	36.208	25.113	144%
9	Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	12.168	10.800	113%

- Các công ty mặc dù không hoàn thành kế hoạch giao nhưng vẫn có lợi nhuận trong hệ thống Tổng công ty bao gồm:

STT	Tên công ty	LN trước thuế 2022	KH 2022	LNTT/KH
1	Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	6.741	110.000	6%
2	Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	16.757	64.000	26%
3	Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	1.158	40.000	3%
4	Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	5.522	60.000	9%
5	Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	115	24.300	0,5%
6	Công ty TNHH Trung tâm Thương mại Quốc tế (IBC)	152.701	180.000	85%
7	Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	1.028	3.679	28%
8	Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật	2.361	7.339	32%
9	Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	2.396	4.000	60%

- Năm 2022 còn một số công ty bị thua lỗ:

STT	Tên công ty	LN trước thuế 2022	KH 2022	LNTT/KH
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	(434.374)	125.000	-347%
2	Công ty Cổ phần Thép Vicasa	(4.977)	20.700	-24%
3	Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	(8.385)	12.000	-70%
4	Công ty TNHH Thép VinaKyoiei	(568.821)	220.847	-258%
5	Công ty Tôn Phương Nam	(228.640)	110.000	-208%
6	Công ty TNHH Nasteelvina	(11.314)	16.200	-70%
7	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	(50.892)	25.200	-202%
8	Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	(37.203)	8.550	-435%

- Ngoài ra, còn một số đơn vị đang trong quá trình giải thể: Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam; Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ.

*** Về hiệu quả đạt được tính trên vốn đầu tư:**

Nhìn chung hiệu quả sinh lời tính trên vốn chủ sở hữu năm 2022 thấp hơn năm 2021 do năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều đơn vị trong hệ thống gặp nhiều khó khăn, cụ thể:

- Các công ty có đóng góp lợi nhuận cho Công ty mẹ với tỷ suất sinh lời tính trên vốn chủ sở hữu năm 2022 khá cao (dao động từ 15,2% -> 37,9%), bao gồm các Công ty: Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal đạt 15,2%; Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn đạt 15,2%; Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam đạt 16,1%; Công ty Cổ phần RedstarCera đạt 17,7%; Công ty TNHH Trung tâm Thương mại Quốc tế (IBC) đạt 19,7%; Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim đạt 20,9%; Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel đạt 37,9%.

- Các công ty có tỷ suất sinh lời tính trên vốn chủ sở hữu dao động dưới 9% bao gồm: Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ; Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long; Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh; Công ty Cổ phần Kim khí

Hà Nội; Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ; Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất; Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung; Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật; Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây.

- Các công ty còn lại bị lỗ vốn.

*** Về tình hình bảo toàn vốn đầu tư tại các doanh nghiệp:**

Trong năm 2022 vẫn còn một số Công ty có lỗ lũy kế hoặc có nợ khó đòi, cụ thể:

- Có 12 Công ty có lỗ lũy kế bao gồm: Công ty TNHH MTV MDC-VNSTEEL, Công ty CP Thép Tấm Miền Nam, Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL, Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất, Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung, Công ty TNHH Ống thép Việt Nam, Công ty TNHH NatsteelVina, Công ty Tôn Phương Nam, Công ty TNHH Nippovina, Công ty CP Thép Đà Nẵng, Công ty TNHH Ống thép Hàn Xoắn Nippon Steel Việt Nam, Công ty CP Sắt Thạch Khê.

- Có 08 Công ty có số dư công nợ khó đòi tại ngày 31/12/2022 trên 10 tỷ đồng, bao gồm: Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (549,2 tỷ đồng), Công ty CP Kim khí TP.Hồ Chí Minh - VNSTEEL (60,3 tỷ đồng), Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSTEEL (48,6 tỷ đồng), Công ty CP Kim khí Miền Trung (25,9 tỷ đồng), Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL (25 tỷ đồng), Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (11,4 tỷ đồng), Công ty TNHH NatsteelVina (21,5 tỷ đồng), Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel (11 tỷ đồng).

- Về danh mục các Công ty phải giám sát tài chính đặc biệt tại ngày 31/12/2022 có 07 Công ty: Công ty CP Thép Tấm Miền Nam, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên, Công ty TNHH Tư vấn MDC-VNSTEEL, Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung, Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất, Công ty CP Tân Thành Mỹ, Công ty CP Kim khí Miền Trung.

4. Tình hình tài chính (hợp nhất)

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	23.239.398.342.298	27.413.247.392.452	-15,23%
Doanh thu thuần	38.492.155.646.776	40.572.198.303.758	-5,13%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(754.782.528.627)	1.041.690.450.114	-172,46%
Lợi nhuận khác	31.689.187.402	9.908.058.404	219,83%
Lợi nhuận trước thuế	(723.093.341.225)	1.051.598.508.518	-168,76%
Lợi nhuận sau thuế	(760.355.705.326)	877.732.949.698	-186,63%

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất của Tổng công ty năm 2022 đạt 38.492 tỷ đồng, giảm 2,1 tỷ đồng (tương đương giảm 5,13%) so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2022 lỗ 723,1 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2021 đạt 1.051 tỷ đồng, giảm 1.774 tỷ đồng so với năm 2021.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,98	1,00
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,53	0,48
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,57	0,60
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,35	1,52
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	6,49	7,18
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,66	1,48
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-1,98%	2,16%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-7,69%	8,06%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-3,27%	3,20%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-1,96%	2,57%

Ghi chú: Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty năm 2022 (đã được kiểm toán) đã được công bố thông tin trên website của Tổng công ty: www.vnsteel.vn

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn điều lệ : 6.780.000.000.000 đồng
- Cổ phiếu lưu hành : 678.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- Cơ cấu vốn cổ phần (tại thời điểm ngày 31/12/2022)

Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I. Cổ đông tổ chức			
1. Trong nước	19	648.011.114	95,577%
2. Nước ngoài	0	0	0,0%
II. Cổ đông cá nhân			
1. Trong nước	7.071	29.430.086	4,341%
2. Nước ngoài	12	558.800	0,082%
Tổng số	7.102	678.000.000	100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty mẹ Tổng công ty thực hiện chức năng quản lý phân vốn của Tổng công ty tại các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết nên không trực tiếp sản xuất, kinh doanh. Do vậy không thống kê số liệu nguyên vật liệu.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Tổng số liệu tiêu thụ điện trong năm 2022 tại Công ty mẹ Tổng công ty là: 280.900 KW (chỉ dùng phục vụ sinh hoạt không dùng cho hoạt động kinh doanh).

6.3. Tiêu thụ nước:

Tổng số liệu tiêu thụ điện trong năm 2022 tại Công ty mẹ Tổng công ty là: 2.296 m³ (chỉ dùng phục vụ sinh hoạt không dùng cho hoạt động kinh doanh).

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động: tham chiếu tại mục 2.4 đến 2.6

6.6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Công tác An sinh xã hội (ASXH) vẫn luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Tổng công ty cũng như các đơn vị trong hệ thống quan tâm thực hiện, tham gia tích cực vào các hoạt động vì cộng đồng, đóng góp vào công tác ASXH ở các địa phương, đặc biệt những địa phương nơi có trụ sở các đơn vị trú đóng. Việc tích cực và tự nguyện tham gia các chương trình ASXH thể hiện trách nhiệm của mỗi đơn vị cũng như trách nhiệm của Tổng công ty đối với cộng đồng xã hội. Chính vì vậy, hàng năm Tổng công ty luôn dành một phần kinh phí để tham gia các hoạt động vì cộng đồng đóng góp một phần vào công tác An sinh chung của toàn xã hội.

Năm 2022, Tổng công ty tiếp tục duy trì và tích cực tham gia thực hiện nhiều hoạt động ASXH thiết thực, đặc biệt là các hỗ trợ cho công tác xây dựng nhà ở, trao quà nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Thương binh liệt sỹ đối với các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các gia đình chính sách tại các đơn vị trong hệ thống tổng công ty, các địa phương có đơn vị của Tổng công ty trú đóng trên địa bàn nơi có đơn vị của Tổng công ty trú đóng.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty được thực hiện trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước năm 2022 đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức chưa từng có do những tác động tiêu cực từ cuộc xung đột Nga-Ukraina; khủng hoảng khí đốt Châu Âu; lạm phát duy trì ở mức cao, nhất là ở châu Âu và Mỹ; lãi suất tăng, chính sách thắt chặt tiền tệ, tài khóa ở nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam; những biện pháp kiểm soát dịch bệnh Covid-19 và thị trường bất động sản sụt giảm kéo dài tại Trung Quốc... Theo IMF, tăng trưởng kinh tế năm 2022 chỉ ở mức 3,4%, giảm so với mức tăng trưởng 6% của năm 2021; lạm phát toàn cầu năm 2022 ở mức 8,8%, trong khi lạm phát năm 2021 chỉ ở mức 4,7%.

Theo Worldsteel Association, tổng sản lượng thép thô thế giới năm 2022 đạt 1.878,5 triệu tấn, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2021; nhu cầu thép thành phẩm toàn cầu năm 2022 dự báo đạt 1.796,7 triệu tấn, giảm 2,3% so với năm 2021, riêng đối với Trung Quốc, nhu cầu thép thành phẩm của quốc gia này chỉ đạt 914 triệu tấn, giảm 4% so với năm 2021. Nhu cầu sụt giảm được cho là một trong những nguyên nhân chính khiến giá các mặt hàng thép giảm mạnh kéo dài trong năm 2022.

Ngành thép Việt Nam phải đối diện với nhu cầu tiêu thụ thấp, sức mua yếu buộc các nhà sản xuất thép phải liên tục giảm giá bán. Giá các mặt hàng trên thị trường thép liên tục giảm mạnh trong khi nhu cầu của thị trường suy yếu cả trong nước và thế giới, tất cả các doanh nghiệp thép đều phải đối mặt với tồn kho nguyên liệu và thành phẩm giá cao. Bên cạnh đó, tín dụng thắt chặt, tỷ giá và lãi suất tăng mạnh càng làm hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của các doanh nghiệp thép thêm khó khăn, đối diện với kết quả lỗ chưa từng có.

Đứng trước vô vàn những khó khăn, thách thức, ngay từ đầu năm 2022, Tổng công ty đã có nhiều giải pháp chỉ đạo, điều hành quyết liệt đối với hoạt động SXKD của các đơn vị, cập nhật, bám sát tình hình thị trường, điều hành SXKD linh hoạt, tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị, cải thiện kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả toàn hệ thống Tổng công ty. Cùng với đó là sự phấn đấu nỗ lực của toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên chức lao động Tổng công ty.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình quản lý tiền mặt: Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2022 là 1.487,756 tỷ đồng chiếm 6% tổng tài sản, giảm 667,8 tỷ so với cùng kỳ năm trước, trong đó tiền gửi có kỳ hạn là 1.031 tỷ đồng.

- Tình hình công nợ phải thu: Các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2022 là 2.722 tỷ đồng, trong đó số trích lập dự phòng là 610,5 tỷ đồng.

- *Hoạt động thoái vốn các khoản đầu tư tài chính dài hạn:*

i) Thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-VNS ngày 28/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP trong đó nhất trí thông qua dừng thực hiện Đề án Tái cấu trúc Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP giai đoạn 2015-2016 và 2016-2020. Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của một số đơn vị mà Tổng công ty có vốn góp chiếm tỷ lệ thấp, một số đơn vị hoạt động không hiệu quả, Tổng công ty đã xây dựng Kế hoạch tái cơ cấu các đơn vị thành viên trong hệ thống Vnsteel giai đoạn 2021-2022 báo cáo Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Ngày 29/12/2021 Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định số 352/QĐ-VNS phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu một số đơn vị thành viên Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP, giai đoạn 2021-2022, theo đó Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn góp tại các đơn vị gồm: Công ty Cổ phần RedstarCera. Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng. Công ty TNHH Ống thép Việt Nam. Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-VNSTEEL. Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ VNSEEL. Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải.

Trong năm 2022 đã thực hiện thoái vốn tại các đơn vị trên theo kế hoạch. Tuy nhiên, việc tổ chức thoái vốn của VNS tại các đơn vị sản xuất thép trên diễn ra trong bối cảnh không thuận lợi, do trong năm 2022 thị trường thép diễn biến theo chiều hướng xấu và dự báo sẽ tiếp tục xu hướng này trong thời gian sắp tới, kéo dài ít nhất cho đến giữa năm 2023. Hầu như tất cả các nhà sản xuất thép trên thị trường đều thua lỗ lớn trong quý III, IV/2022. Trước tình hình đó, nhiều doanh nghiệp đã buộc phải tiết giảm sản xuất, hoặc thậm chí ngừng sản xuất. Do vậy, không có nhà đầu tư quan tâm đến việc mua cổ phần của các đơn vị sản xuất thép.

Ngoài ra, đối với một số đơn vị không thuộc lĩnh vực sản xuất thép như: Công ty cổ phần RedstarCera; Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC – VNSTEEL; Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải, việc thoái vốn không thành công do các nguyên nhân sau:

*) Công ty cổ phần RedstarCera:

- Ngày 25/10/2022, VNS có công văn số 1222/VNS-KTĐT gửi UBCK để đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông đại chúng kèm các hồ sơ, tài liệu đã bổ sung theo quy định.

- Ngày 03/11/2022, UBCK đã có công văn số 7294/UBCK-QLCB gửi VNS thông báo về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng. Theo đó, UBCK cho rằng Báo cáo tài chính quý III của RedstarCera chưa phù hợp theo quy định tại Điều 20 Luật Chứng khoán năm 2019. VNS đã thông báo cho yêu cầu Người đại diện tại RedstarCera thông qua HĐQT/BĐH Công ty để hoàn thiện Báo cáo tài chính quý III theo yêu cầu của UBCK. Tuy nhiên, sau khi nộp hồ sơ bổ sung, đến thời điểm này, VNS vẫn chưa nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN.

- Do việc tổ chức bán đấu giá cổ phần của RedstarCera tại HNX sẽ chỉ được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán, nên chưa thực hiện được việc chuyển nhượng vốn của VNS tại RedstarCera.

*) Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL

- Sau khi có chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE) xác định giá trị phần vốn của VNS tại Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-Vnsteel (MDC), VNS đã làm việc với (Asean Securities) để xây dựng phương án chuyển nhượng vốn và tổ chức bán vốn tại MDC. Ngày 17/11/2022, đơn vị tư vấn đã phát hành phương án chuyển nhượng vốn của VNS tại MDC.

- Ngày 28/11/2022, Tổng Giám đốc đã có Tờ trình số 1321/VNS-KTĐT báo cáo Hội đồng quản trị về phương án chuyển nhượng vốn của VNS tại MDC. Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, ngày 12/12/2022, Tổng Giám đốc đã có văn bản số 1367/VNS-KTĐT gửi Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn việc chuyển nhượng vốn của VNS tại MDC – doanh nghiệp 100% vốn của DNNN. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại VNS chưa nhận được công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính.

*) Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải

Sau khi xem xét hồ sơ của Công ty cảng quốc tế Thị Vải (TVP), Công ty PSI đã từ chối không tham gia xây dựng phương án thoái vốn của VNS tại TVP với các lý do:

- Theo quy định tại Khoản 7, Điều 3 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sửa đổi ngày 18/10/2021 của Dự án đầu tư Cảng Thị Vải: Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải có trách nhiệm hoàn thành dự án Cảng Thị Vải trong tháng 4/2023. Trong trường hợp, Công ty TNHH Cảng Quốc tế thị Vải không đưa dự án vào hoạt động trong tháng 4/2023, số tiền ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án chưa được hoàn trả được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 10 Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và dự án sẽ bị xem xét, chấm dứt hoạt động theo quy định; Nhà đầu tư không được bồi thường về mọi chi phí đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án

- Tham chiếu quy định tại Điểm a khoản 18, Điều 2 Nghị định 140/2020/NĐ-CP: Việc chuyển nhượng vốn nhà nước phải theo danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển nhượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp theo giai đoạn do Thủ tướng Chính phủ ban hành; không phân biệt mức vốn đầu tư, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước lãi, lỗ; việc tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn, lập hồ sơ chuyển nhượng vốn, thực hiện công bố thông tin chuyển nhượng vốn, báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn, thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần và gửi các hồ sơ, báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn cho cơ quan quản lý thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Ngoài ra, một số vấn đề khác như: hình thức chuyển nhượng phần vốn góp trong Hợp đồng liên doanh hiện có một số điểm chưa rõ ràng, hiện chưa rõ việc NĐTNN

có có được phép tham gia hay không theo quy định tại Nghị định 163/2017/NĐ – CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistic...; chứng thư định giá cảng Thị Vải sẽ hết hạn vào 3/4/2023. Ngoài ra, PSI cũng cần thời gian để xem xét và đánh giá thêm. Đối với trường hợp TVN thoái tại Cảng Thị Vải, cần có chủ trương thoái vốn được phê duyệt của cấp có thẩm quyền (cho năm 2023) và theo quy định tại các quy chế có liên quan. Vì vậy, đề nghị tiếp tục thực hiện thoái vốn trong giai đoạn 2023-2025 sau khi TCP hoàn chỉnh về hồ sơ pháp lý.

***) Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ - VNSTEEL**

Sau khi xem xét hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị tư vấn cho biết không thể thực hiện việc định giá do vướng mắc về thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai. Hiện tại, tài sản trên đất (Khu văn phòng làm việc tại số 63/42 Lạc Trung) thuộc quyền sở hữu của VMSC trong khi Khu đất số 63 ngõ 42 Lạc Trung do VNS quản lý và trả tiền thuê đất hàng năm. Trong giai đoạn 2018-2022, VNS đã nộp số tiền thuê đất là 1.219.870.848 đồng.

Theo ý kiến của Công ty Luật TNHH Bùi Hải và Cộng sự, VNS có thể cân nhắc để lại nhà xưởng trong cơ cấu tài sản của VMSC hoặc rút nhà xưởng khỏi danh mục tài sản của VMSC khi thực hiện thoái vốn.

ii) Đối với việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên, Tổng công ty đã xây dựng đề án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (Tisco) và xử lý Dự án đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn 2 (dự án Tisco2) trong đó có Phương án thoái vốn báo cáo các cấp có thẩm quyền. Đến thời điểm hiện nay đang thực hiện phương án xử lý Dự án Tisco2 theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền trong đó thực hiện phương án kiểm đếm các trang thiết bị đã chuyển đến hiện trường của Dự án Tisco2 mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu MCC trên cơ sở đó xây dựng phương án xử lý dứt điểm Dự án Tisco2. Hiện tại, Tisco và MCC đang thực hiện kiểm đếm trang thiết bị. Sau khi hoàn tất việc kiểm tra, đánh giá thiết bị đã thanh toán cho MCC và phương án đề xuất khôi phục Dự án Tisco2 của MCC, thì mới có đầy đủ căn cứ, cơ sở để xem xét và đánh giá tổng thể Phương án xử lý dứt điểm đối với Dự án Tisco2 và báo cáo gửi các cấp có thẩm quyền.

iii) Đối với Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung đang tiếp tục hoàn thiện Đề án Tái cơ cấu để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt. Trong trường hợp các bên liên doanh không thống nhất được việc thông qua Đề án Tái cơ cấu VTM, Tổng công ty sẽ đề xuất lựa chọn phương án thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại VTM lên các cấp có thẩm quyền.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

3.1. Trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư

- Tổng công ty giao quyền tự chủ cho các đơn vị, gắn trách nhiệm với hiệu quả cuối cùng. Đồng thời thông qua các đại diện vốn tăng cường công tác quản trị điều hành, hỗ trợ các đơn vị trong cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra; điều phối kế hoạch sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của từng đơn vị; tăng cường phối hợp giữa các đơn vị nhằm phát huy sức mạnh hệ thống.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong các lĩnh vực về quản trị, tài chính, đầu tư, quản lý chất lượng sản phẩm; kịp thời đề xuất các giải pháp, xử lý các vi phạm thông qua kiểm tra, giám sát theo quy định tại Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của Tổng công ty.

- Tăng cường công tác quản lý công nợ, thường xuyên có văn bản yêu cầu đơn vị báo cáo các biến động phát sinh công nợ phải thu tại đơn vị, kịp thời chấn chỉnh các trường hợp phát sinh nợ phải thu đột biến, kéo dài nhằm hạn chế tối đa nợ khó đòi.

- Công tác quản lý vốn và tài sản trong năm 2022 có hiệu quả hơn, đảm bảo thanh toán đúng hạn các khoản nợ vay ngân hàng, không phát sinh khó đòi và nợ phải trả quá hạn. Các chỉ số khả năng thanh toán nợ chung và khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng công ty đều trong phạm vi kiểm soát an toàn.

3.2. Trong công tác tái cấu trúc, thoái vốn, đổi mới doanh nghiệp

3.2.1. Tái cơ cấu về tổ chức trong hệ thống và quản trị Tổng công ty:

a) Về tổ chức trong hệ thống: nghiên cứu tổ chức lại các phòng ban nghiệp vụ tổng công ty theo chỉ đạo của Đảng ủy khối DNTW.

b) Về quản trị:

- Tiếp tục việc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế của Tổng công ty.

- Thực hiện luân chuyển, cử các Đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

3.2.2. Thoái vốn tại Công ty con, công ty liên kết:

- Đã hoàn thành việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng theo đúng quy định của pháp luật.

- Đang triển khai thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản đối với Công ty cổ phần Tân Thành Mỹ và Công ty Thép Tấm lá Miền Nam.

- Việc thực hiện tái cơ cấu một số đơn vị thành viên Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP, giai đoạn 2021-2022 theo kế hoạch được phê duyệt tại quyết định số 352/QĐ-VNS ngày 29/12/2021 của Hội đồng quản trị là không thành công. Hiện tại, chủ trương thoái vốn của các đơn vị này đã hết thời hạn, theo đó để có cơ sở triển khai tái cơ cấu các đơn vị trên trong thời gian tới, Tổng công ty đã tổng hợp thoái vốn tại các đơn vị này vào Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP giai đoạn 2021-2025 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty thông qua để triển khai thực hiện.

3.3. Các vướng mắc liên quan đến công tác quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty:

Do thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tổng công ty diễn ra trong giai đoạn chuyển tiếp giữa Nghị định 109/NĐ-CP và Nghị định 59/NĐ-CP và có những thay đổi về hiện trạng đất của Tổng công ty, dẫn tới phát sinh những vướng

mắc trong việc xử lý các tồn tại về đất đai khi cổ phần hóa (các vướng mắc khi xác định giá trị lợi thế vị trí địa lý và giá trị quyền sử dụng đất khi bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần). Đối với các vướng mắc liên quan đến công tác quyết toán cổ phần hóa, Tổng công ty đã có nhiều văn bản và nhiều lần làm việc với các cấp thẩm quyền, song những vướng mắc trên vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Trong năm 2022, Bộ Công thương có văn bản đề nghị Tổng công ty triển khai thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ quyết toán cổ phần hóa theo quy định làm cơ sở pháp lý cho việc xem xét quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty. Tổng công ty đã tiến hành các thủ tục thuê đơn vị tư vấn độc lập theo yêu cầu của Bộ Công thương. Đến ngày 10/3/2023, Tổng công ty đã trình bộ hồ sơ quyết toán cổ phần hóa được đơn vị tư vấn độc lập thực hiện để Bộ Công thương sớm xem xét, phê duyệt hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa của Tổng công ty. Tổng công ty vẫn đang bám sát Bộ Công thương trong công tác phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

3.4. Các công tác khác:

- Tổ chức kiểm tra và đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cũng như chất lượng sản phẩm tại các đơn vị; xây dựng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật năm 2022 cho các đơn vị.

- Chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy trình, quy phạm trong sản xuất, nơi làm việc, thực hiện tốt các quy định của nhà nước về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

- Tổ chức kiểm tra việc thành lập, kiện toàn và triển khai hoạt động của các Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng tại các Công ty, đơn vị trong hệ thống gắn với nhiệm vụ được phân công cho từng thành viên.

- Tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Tổng công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

4. Kế hoạch năm 2023:

- Sản lượng thép thành phẩm : 3.435.000 tấn.
- Tổng doanh thu hợp nhất : 35.800 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất : 235 tỷ đồng
- Tổng doanh thu Công ty mẹ : 2.154,9 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ : 52 tỷ đồng

5. Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022:

5.1. Đối với ý kiến liên quan đến Công ty CP Gang Thép Thái Nguyên (TISCO):

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến ngoại trừ “không thể xác định được ảnh hưởng đến:

- Giá trị các khoản mục có liên quan đến Dự án được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

- Giá trị chi phí lãi vay được vốn hóa vào Dự án (trình bày tại thuyết minh số 10) kể từ thời điểm Dự án chậm tiến độ.

- Và, tồn thất có thể có liên quan đến dự án cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.”

Dự án mở rộng Gang thép giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên được triển khai từ năm 2007, việc đầu tư dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Hiện tại, Chính phủ và các cơ quan có liên quan đang trong quá trình xử lý các sai phạm, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn để hoàn thành dự án.

5.2. Đối với ý kiến liên quan đến Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung:

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến ngoại trừ “không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị của khoản đầu tư vào VTM và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty”.

Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung (sau đây gọi tắt là "VTM") tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 196,24 tỷ VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 351,8 tỷ VND. Giấy phép khai thác của VTM tại mỏ Quý Sa, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Bên cạnh đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, VTM đang ghi nhận giá trị hàng tồn kho phát hiện thiếu qua kiểm kê với số tiền 225,52 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 225,52 tỷ VND) và giá trị hàng tồn kho phát hiện thừa qua kiểm kê số tiền là 59,55 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 59,55 tỷ VND). Tính đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập của VTM chưa được phát hành. Dựa trên các thông tin hiện có, chưa thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị của khoản đầu tư vào VTM và ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

5.3. Đối với ý kiến liên quan đến Công ty CP Sắt Thạch Khê:

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến kiểm ngoại trừ “không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị dự phòng của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê và ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty”.

Dự án đã được khởi động từ năm 2009, tuy nhiên do nhiều vướng mắc về kỹ thuật, môi trường chưa được giải quyết nên đến thời điểm hiện tại dự án mới chỉ dừng lại ở hạng mục bóc dỡ đất đá tầng phủ (đã thực hiện từ 2009).

Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giá gốc của khoản đầu tư và giá trị dự phòng vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 3,16 tỷ VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 10,73 tỷ VND. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê đang trong giai đoạn tạm dừng hoạt động chờ quyết định của Chính phủ để xem xét chủ trương tiếp tục triển khai dự án Mỏ sắt Thạch Khê.

5.4. Đối với ý kiến liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty:

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến kiểm ngoại trừ về việc “chưa thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.”

Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2011 và đã hoàn thành hồ sơ quyết toán cổ phần hóa trình Bộ Công thương thẩm định. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Công thương và các cơ quan nhà nước có liên quan đang trong quá trình thực hiện việc quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

5.5. Đối với ý kiến liên quan đến Công ty CP Gang Thép Thái Nguyên (TISCO):

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến kiểm ngoại trừ: “không thể xác định được ảnh hưởng của việc chưa thực hiện điều chỉnh BCT theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt đến chỉ tiêu “Dự phòng phải trả dài hạn” và các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên BCTC hợp nhất của Tổng công ty”.

Trong năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với một số mỏ than với tổng số tiền 65.262.703.000 đồng do Công ty quản lý như sau:

- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 09 năm 2022 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ than Bắc Làng Cẩm (khu Âm Hồn), xã Phụ Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cho trữ lượng đã khai thác giai đoạn từ 01/01/20214 đến 31/05/2022 với số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt là 21.153.783.000 VND.

- Quyết định số 2707/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Dự án khai thác hầm lò Cánh Chìm - mỏ than Phấn Mễ, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

+ Khu vực Phấn Mễ (Cánh Chìm và Đồi 75) xác định cho trữ lượng đã khai thác từ 01/01/2014 đến 31/05/2022 và trữ lượng than mỡ còn lại tính từ ngày 01/06/2022 đối với Dự án khai thác hầm lò Cánh Chìm - mỏ than Phấn Mễ;

+ Khu vực Nam Làng Cẩm xác định cho trữ lượng đã khai thác từ 01/01/2014 đến 31/05/2022;

+ Tổng số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt là 44.108.920.000 VND.

Công ty chưa thực hiện điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính theo số liệu được phê duyệt nêu trên do chưa xác định được số tiền cần điều chỉnh cho từng khu vực.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022:

1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tích cực phối hợp với Ban Điều hành Tổng công ty triển khai quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, tạo việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty nói chung và từng đơn vị thành viên trong hệ thống nói riêng đã từng bước có những cải thiện đáng kể.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Tổng công ty, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Ban Điều hành. Năm 2022, chế độ họp của Hội đồng quản trị Tổng công ty được thực hiện theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty. Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2022, song với tinh thần trách nhiệm cao, Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp bằng nhiều hình thức, trong đó có 04 cuộc họp định kỳ hàng Quý nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của Ban Điều hành, đồng thời trao đổi, bàn bạc, thông qua các chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ giao cho Ban Điều hành thực hiện ở các quý tiếp theo, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành 48 Nghị quyết, 93 Quyết định và 77 báo cáo, 7 thông báo kết luận liên quan đến hoạt động toàn diện của Tổng công ty.

- Qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực tham gia vào những hoạt động quan trọng của Tổng công ty và đã đưa ra những quyết định về chủ trương, phương hướng trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư, tái cơ cấu Tổng công ty trong năm 2022.

- Chỉ đạo tập trung rà soát, đánh giá thúc đẩy việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao tại Nghị quyết số 08/NQ-VNS ngày 25/5/2022 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2022 của Tổng công ty; Bầu ra Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026; bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng công ty; miễn nhiệm Tổng Giám đốc Tổng công ty; bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, thực hiện bổ nhiệm Kế Toán trưởng Tổng công ty; cử 38 Đại diện vốn và Đại diện khác tại một số Công ty con, Công ty liên kết theo đúng thẩm quyền quy định.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo rà soát các Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty, để phù hợp với yêu cầu quản lý của các cấp thẩm quyền.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo việc tập trung sản xuất kinh doanh, phát huy công suất; đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành; đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thực hiện giám sát của Hội đồng quản trị về công tác kỹ thuật tại các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong hệ thống Tổng công ty.

- Chỉ đạo và kiểm soát việc phối hợp giữa các đơn vị trong hệ thống ưu tiên sử dụng sản phẩm và dịch vụ của nhau trên nguyên tắc thị trường. Chỉ đạo thực hiện đánh giá phân tích kết quả sản xuất kinh doanh các Quý trong năm 2022 để có các giải pháp tích cực, chủ động thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông năm 2022 giao. Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý công nợ, đặc biệt là nợ khó đòi, quản lý tồn kho tại các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát chặt chẽ việc thực hiện các Thông báo của Văn phòng Chính phủ; các văn bản, quyết định của các cấp có thẩm quyền và các Thông báo kết luận, báo cáo của Hội đồng quản trị về Dự án Gang thép Thái Nguyên giai đoạn 2 và VTM.

- Chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên và Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung thực hiện các nội dung công việc liên quan đến xử lý tồn tại của 02 dự án theo đúng yêu cầu của Chính phủ, Ban chỉ đạo các Dự án yếu kém thuộc ngành Công thương, Ủy Ban quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp, SCIC và các Bộ ban ngành liên quan; chỉ đạo tìm kiếm các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Dự án Nhà máy Gang thép Lào Cai của Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung.

- Chỉ đạo thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo khẩn trương hoàn thiện hồ sơ pháp lý, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính để đảm bảo quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Tổng công ty và từng đơn vị thành viên đối với các cơ sở nhà đất.

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được Hội đồng quản trị quan tâm và chỉ đạo quyết liệt, trong năm 2022 đã chỉ đạo thẩm tra, xác minh đơn tố cáo liên quan đến đại diện vốn của Tổng công ty tại các đơn vị theo đúng quy định về giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- Chỉ đạo tăng cường tính công khai, minh bạch trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư mua sắm trang thiết bị, tái cơ cấu doanh nghiệp và công tác cán bộ,... Thực hiện đúng quy định về kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm tại cơ quan Tổng công ty và các đơn vị;

- Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định về nội dung.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách quyết liệt, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Tổng công ty, của các cổ đông cũng như quyền lợi của người lao động, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

1.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành:

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tích cực thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thông qua các Nghị quyết, quyết định chỉ đạo và các cuộc họp giao ban định kỳ.

- Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc đều phù hợp với quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty.

- Ban Điều hành Tổng công ty đã chủ động, linh hoạt bám sát các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, có các giải pháp hợp lý trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên tất cả các lĩnh vực với từng mục tiêu cụ thể; bám sát, tập trung chỉ đạo và tháo gỡ khó khăn đối với các dự án đầu tư trọng điểm của Tổng công ty.

- Ban Điều hành đã tích cực chỉ đạo triển khai các công việc cụ thể về quản lý, kinh doanh và đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh tốt trong năm 2022: Công ty mẹ - Tổng công ty tiếp tục có lãi, đảm bảo kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông năm 2022 giao cho.

2. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị

a) Ưu điểm

- Chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước, triển khai đầy đủ các chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về quản lý doanh nghiệp. Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, đảm bảo Tổng công ty đi đúng mục tiêu, định hướng của Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước tại doanh nghiệp.

- Thông qua Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đã xây dựng hệ thống các quy chế quản trị và các quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và triển khai thực hiện nền nếp và có hiệu quả trong Tổng công ty. Trong đó có các quy định về công tác cán bộ đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ

tục, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, không có biểu hiện cục bộ, độc đoán, mất dân chủ, mất đoàn kết trong công tác cán bộ, đồng thời phát huy được vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong công tác cán bộ.

- Tổng công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp của năm 2021, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách để hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội Đồng cổ đông năm 2021 giao, sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao và có lãi.

- Tập thể Hội đồng quản trị đoàn kết, thống nhất, tuyệt đối không có biểu hiện cá nhân, cục bộ trong công tác. Các nội dung xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị đều được biểu quyết thống nhất quyết định. Tuy nhiên trong quá trình làm việc, trao đổi, thảo luận có thể có những ý kiến trái chiều nhưng đều cùng hướng tới một mục đích đó là vì sự ổn định và phát triển của Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt với Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành Tổng công ty; đồng thời phối hợp tốt với các cấp có thẩm quyền để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ, trung thực và đúng thời gian quy định.

- Các thành viên trong Hội đồng quản trị đều thực hiện đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ theo chức năng, nhiệm vụ được quy định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên Hội đồng quản trị.

b) Hạn chế

- Năng lực cạnh tranh chưa đồng đều. Khả năng tích tụ nguồn lực chưa cao, vốn cho đầu tư phát triển còn khiêm tốn, ảnh hưởng đến việc đầu tư nâng cấp hoặc đổi mới thiết bị, máy móc, công nghệ. Ngoài ra, còn một số đơn vị do công tác quản trị chưa tốt nên hiệu quả kinh doanh thấp cần sớm có giải pháp khắc phục nhằm duy trì và cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Một số công việc còn tồn đọng chưa giải quyết xong: Việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty; việc chuyển đổi mô hình hoạt động của Viện luyện kim đen; Công nợ khó đòi của Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên; Việc thực hiện giải thể, chấm dứt hoạt động của Công ty cổ phần Thép tấm Miền Nam; Việc tháo gỡ khó khăn cho Dự án giai đoạn 2 Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy Gang thép Lào Cai của Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung.

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản còn một số tồn tại và tồn đọng như: kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản tại một số đơn vị vẫn còn phải điều chỉnh, bổ sung; tiến độ thực hiện một số dự án còn kéo dài; việc huy động vốn khó khăn và việc giải ngân thấp. Một số vướng mắc tồn đọng liên quan đến quản lý đất đai, bất động sản từ các năm trước chưa được giải quyết triệt để.

- Công tác an toàn lao động được đặc biệt quan tâm.

3. Những định hướng quan trọng

Hội đồng quản trị thống nhất nhận định: Kinh tế trong nước năm 2023 tiếp tục phải chịu những tác động tiêu cực ảnh hưởng lâu dài của đại dịch covid-19, khủng hoảng năng lượng do tác động của cuộc chiến Nga- Ukraina do đó ngành thép không tránh khỏi việc bị ảnh hưởng như: thị trường bất động sản cùng nhiều dự án đầu tư xây dựng bị đình trệ, nhiều công trình nhà ở dân dụng cũng bị trì hoãn khởi công...tuy nhiên, diễn biến giá thép thị trường thế giới biến động khó lường khiến việc nhận định thị trường thép cần rất thận trọng.

Đối với Tổng công ty, năng lực cạnh tranh có phần hạn chế do quy mô phân tán, nhiều đơn vị có công nghệ, thiết bị cũ, không được đầu tư phát triển trong những năm gần đây, đặt trong bối cảnh thị trường dư thừa công suất, nhu cầu suy giảm mạnh, hoạt động xuất khẩu bị ảnh hưởng, các đơn vị sẽ tăng cường cạnh tranh trên thị trường trong nước,... vì vậy dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sẽ bị tác động lớn hơn so với bình quân thị trường.

Do vậy, mục tiêu chủ đạo trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty là tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả; đảm bảo tài chính cân đối lành mạnh; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, uy tín, sức cạnh tranh của các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty nhằm tối đa hóa giá trị lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Ngoài ra, để nâng cao công suất tại một số đơn vị chủ lực trong hệ thống, Tổng công ty sẽ rà soát và tập trung đầu tư một số Dự án trọng điểm.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến kiểm toán

Cơ sở của ý kiến kiểm toán loại trừ

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến các khoản mục có liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm:

1.1. Như Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 41, "Dự án mở rộng Gang thép giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên" (sau đây gọi tắt là "Dự án") được triển khai từ năm 2007, việc đầu tư dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Hiện tại, Chính phủ và các cơ quan có liên quan đang trong quá trình xử lý các sai phạm, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn để hoàn thành dự án. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của các vấn đề này đến:

- Giá trị các khoản mục có liên quan đến Dự án được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

- Giá trị chi phí lãi vay được vốn hóa vào Dự án (trình bày tại thuyết minh số 10) kể từ thời điểm Dự án chậm tiến độ.

- Và, tổn thất có thể có liên quan đến dự án cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

1.2. Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung (sau đây gọi tắt là "VTM") tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 196,24 tỷ VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 351,8 tỷ VND. Giấy phép khai thác của VTM tại mỏ Quý Sa, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Bên cạnh đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, VTM đang ghi nhận giá trị hàng tồn kho phát hiện thiếu qua kiểm kê với số tiền 225,52 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 225,52 tỷ VND) và giá trị hàng tồn kho phát hiện thừa qua kiểm kê số tiền là 59,55 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 59,55 tỷ VND). Tính đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập của VTM. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị của khoản đầu tư vào VTM và ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. 1.3. Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê là 274,24 tỷ đồng, giá trị dự phòng là 10,73 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê được thành lập từ năm 2007 để thực hiện đầu tư dự án khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Thạch Khê thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê

đang trong giai đoạn tạm dừng hoạt động chờ quyết định của Chính phủ để xem xét chủ trương tiếp tục triển khai dự án Mở sắt Thạch Khê. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị dự phòng của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê và ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

1.3. Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giá gốc của khoản đầu tư và giá trị dự phòng vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 3,16 tỷ VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 10,73 tỷ VND. Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê được thành lập từ năm 2007 để thực hiện đầu tư dự án khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Thạch Khê thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê đang trong giai đoạn tạm dừng hoạt động chờ quyết định của Chính phủ để xem xét chủ trương tiếp tục triển khai dự án Mở sắt Thạch Khê. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị dự phòng của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê và ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

1.4. Như Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 39, đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Công Thương và các cơ quan nhà nước có liên quan đang trong quá trình thực hiện việc quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

1.5. Như Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 42 (mục 7), Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với một số mỏ tại khu vực huyện Đại Từ và huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên với tổng số tiền 65,26 tỷ VND. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính theo số tiền được phê duyệt do chưa xác định được số tiền phải điều chỉnh tương ứng cho từng khu vực. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến chỉ tiêu "Dự phòng phải trả dài hạn" và các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

- Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn “ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh:

- Như Tổng Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO) có nợ phải trả ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn khoảng 3.415,91 tỷ đồng, một phần nợ gốc và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng liên quan đến Dự án cải tạo Gang thép giai đoạn 2 đã quá hạn thanh toán. Những sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của TISCO. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc TISCO liên quan đến vấn đề này được trình bày tại thuyết minh số 2.3.

Tổng Công ty có các cam kết về góp vốn và bảo lãnh được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số 40.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán**a) Bảng cân đối kế toán**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	31/12/2022	01/01/2022(đã điều chỉnh)
TÀI SẢN			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	10.129.118.163.956	13.382.584.638.339
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.487.755.903.931	2.155.628.756.810
1. Tiền	111	514.955.903.931	706.228.756.810
2. Các khoản tương đương tiền	112	972.800.000.000	1.449.400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.035.404.706.849	798.300.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.035.404.706.849	798.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.501.380.568.313	2.787.144.022.910
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.721.751.623.699	2.973.008.370.542
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	54.546.248.221	50.707.139.181
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	335.566.488.477	383.577.680.460
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(610.483.792.084)	(620.149.167.273)
IV. Hàng tồn kho	140	4.714.395.723.215	6.920.033.542.365

1. Hàng tồn kho	141	4.870.791.441.275	7.006.386.564.034
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(156.395.718.060)	(86.353.021.669)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	390.181.261.648	721.478.316.254
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	88.738.380.880	101.982.626.004
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	266.928.967.971	588.083.765.022
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	34.513.912.797	31.411.925.228
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	13.110.280.178.342	14.030.662.754.113
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	61.098.035.221	90.129.403.082
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	21.046.613.341	23.046.613.341
6. Phải thu dài hạn khác	216	40.051.421.880	67.082.789.741
II. Tài sản cố định	220	2.957.493.892.627	3.337.607.095.632
1. Tài sản cố định hữu hình	221	2.129.070.007.166	2.492.245.044.714
- Nguyên giá	222	12.275.264.992.941	12.215.289.889.709
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(10.146.194.985.775)	(9.723.044.844.995)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	8.835.247.151
- Nguyên giá	225	-	9.766.026.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	(930.779.686)
3. Tài sản cố định vô hình	227	828.423.885.461	836.526.803.767
- Nguyên giá	228	963.700.804.401	955.015.271.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(135.276.918.940)	(118.488.467.804)
III. Bất động sản đầu tư	230	84.736.083.229	90.788.627.763
- Nguyên giá	231	192.269.450.832	194.554.564.103
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	(107.533.367.603)	(103.765.936.340)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	6.319.583.342.249	6.056.676.313.897
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	39.558.770.500	26.025.322.273

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.280.024.571.749	6.030.650.991.624
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	3.289.620.792.589	4.025.205.606.537
1. Đầu tư vào công ty con	251	34.511.992.908	34.511.992.908
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	2.863.889.684.036	3.575.912.224.677
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	452.589.234.494	452.689.234.494
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(62.370.118.849)	(71.827.045.542)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	1.000.000.000	33.919.200.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	397.748.032.427	430.255.707.202
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	394.483.523.392	424.697.352.231
Tái sản thuế thu nhập hoãn lại	263	3.264.509.035	5.558.354.971
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	23.239.398.342.298	27.413.247.392.452
NGUỒN VỐN			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	13.347.870.186.892	16.525.680.347.795
I. Nợ ngắn hạn	310	10.301.636.353.069	13.348.512.455.654
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	953.199.973.455	2.684.513.167.488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	25.263.967.629	27.799.362.938
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	260.844.632.632	482.450.109.905
4. Phải trả người lao động	314	323.022.809.955	481.176.462.048
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.908.081.384.383	1.664.592.294.160
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	7.750.085.428	4.767.513.414
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	568.560.371.694	968.450.521.075
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.132.520.934.370	6.901.854.895.619
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24.923.058.080	56.872.768.943
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	97.469.135.443	76.035.360.064
II. Nợ dài hạn	330	3.046.233.833.823	3.177.167.892.141

1. Phải trả người bán dài hạn	331	276.945.474.444	275.879.868.810
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	361.578.165.611	253.511.546.978
7. Phải trả dài hạn khác	337	626.148.198.962	625.093.677.354
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.709.272.184.020	1.803.665.312.977
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.395.673.623	4.580.500.975
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	66.894.137.163	214.436.985.047
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	9.891.528.155.406	10.887.567.044.657
I. Vốn chủ sở hữu	410	9.891.528.155.406	10.887.567.044.657
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	6.780.000.000.000	6.780.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	6.780.000.000.000	6.780.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	143.398.712.556	42.909.754.663
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(803.624.369.177)	(836.498.314.653)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	(134.671.254.957)	(79.216.019.097)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	116.907.025.646	104.130.222.099
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	1.010.075.228	1.010.075.228
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.563.403.579.538	3.551.030.885.232
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	3.334.592.201.867	2.823.359.637.218
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(771.188.622.329)	727.671.248.014
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.225.104.386.571	1.324.200.441.185
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	23.239.398.342.298	27.413.247.392.452

b) Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.703.295.376.336	40.857.130.708.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	211.139.729.560	284.932.405.211
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	38.492.155.646.776	40.572.198.303.758

4. Giá vốn hàng bán	37.765.574.514.005	38.397.344.754.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	726.581.132.771	2.174.853.549.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	664.318.998.060	442.202.861.501
7. Chi phí tài chính	476.987.877.998	300.109.473.155
- Trong đó: Chi phí lãi vay	340.949.722.888	251.992.876.497
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	(696.176.809.251)	168.686.055.912
9. Chi phí bán hàng	298.979.810.352	302.417.492.948
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	673.538.161.857	1.141.525.050.454
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	(754.782.528.627)	1.041.690.450.114
12. Thu nhập khác	69.180.415.396	55.579.966.145
13. Chi phí khác	37.491.227.994	45.671.907.741
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	31.689.187.402	9.908.058.404
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	(723.093.341.225)	1.051.598.508.518
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.153.345.517	177.730.638.389
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.109.018.584	(3.865.079.569)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	(760.355.705.326)	877.732.949.698
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(771.188.622.329)	727.671.248.014
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	10.832.917.002	150.061.701.684
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	(1.137)	1.073

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	(723.093.341.225)	1.051.598.508.518
2. Điều chỉnh cho các khoản		

- Khấu hao TSCĐ	477.339.403.012	517.080.966.115
- Các khoản dự phòng	(128.572.164.238)	348.698.998.603
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.297.531.607	2.071.642.080
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	168.766.506.140	(515.692.359.169)
- Chi phí lãi vay	340.949.722.888	251.992.876.497
- Các khoản điều chỉnh khác	283.471.360	(12.384.179.596)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	146.971.129.544	1.643.366.453.048
- Tăng, giảm các khoản phải thu	652.137.796.489	(1.286.479.681.732)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	2.122.061.674.532	(3.212.536.859.627)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(2.516.013.810.906)	1.874.073.256.818
- Tăng, giảm chi phí trả trước	50.861.761.149	133.762.691.133
- Tiền lãi vay đã trả	(335.694.598.617)	(251.698.499.442)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(62.111.248.084)	(213.862.059.566)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	78.834.669.090	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(58.206.259.937)	(51.643.193.874)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	78.841.113.260	(1.365.017.893.242)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(81.733.641.291)	(102.695.242.137)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	5.903.710.770	3.966.658.737
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.181.885.506.849)	(1.217.519.200.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.977.700.000.000	1.092.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(33.317.453.200)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.445.233.804	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	511.118.992.272	346.399.050.746

